

Số: *613* /UBDT-TCCB

V/v lập hồ sơ tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2018 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ

*Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018*

Kính gửi: Các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Ủy ban Dân tộc đề nghị Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thực hiện rà soát đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, lập hồ sơ tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

**1. Đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế**

Công chức, viên chức và người làm việc Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là HĐ 68) theo Điều 2 Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

**2. Các trường hợp tinh giản biên chế**

2.1. Công chức, viên chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức), thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

b) Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn;

d) Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác;



đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp;

e) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp;

g) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc là số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành.

2.2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) đôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

2.3. Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự đôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

### **3. Quyền lợi của công chức, viên chức, HĐ 68 được hưởng khi tinh giản biên chế**

3.1. Đối với các trường hợp về hưu trước tuổi nếu đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 48 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau:

a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm b Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

3.2. Đối với các trường hợp về hưu trước tuổi nếu đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng chế độ sau:

a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

3.3. Đối tượng tinh giản biên chế nếu trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, trên 48 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

3.4. Đối tượng tinh giản biên chế nếu trên 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

3.5. Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi đời dưới 53 tuổi đối với nam, dưới 48 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định 108 hoặc có tuổi đời dưới 58 tuổi đối với nam, dưới 53 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 108, nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:

a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

#### **4. Hồ sơ chính sách tinh giản biên chế**

4.1. Biên bản họp toàn thể công chức, viên chức của đơn vị về việc xác định đối tượng đưa vào diện tinh giản biên chế của đơn vị.

4.2. Biên bản họp của tập thể lãnh đạo, chi ủy, công đoàn về việc thống nhất danh sách đối tượng tinh giản biên chế của đơn vị.

4.3. Tờ trình đề nghị tinh giản biên chế kèm theo:

- Đề án tinh giản biên chế năm 2018 của đơn vị (theo mẫu đề án TGBC).
- Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính: biểu 1a, 1b, 1c, 1d và biểu 2.

4.4. Danh sách trích ngang những đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Thời gian gửi hồ sơ về Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 20/6/2018 để tổng hợp trình Lãnh đạo Ủy ban theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BT, CN UBND (để b/c);
- Các TT, PCN (để b/c);
- Công TTĐT UBND;
- Lưu: VT, TCCB (3b).

(3b)

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



**Cầm Văn Thanh**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 20...

**MẪU ĐỀ ÁN TGBC**

**ĐỀ ÁN**

**Tình giảm biên chế năm 2018 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP  
ngày 20/11/2014 của Chính phủ**  
(Kèm theo công văn số      UBDT-TCCB ngày      tháng      năm 2018 của  
Ủy ban Dân tộc)

**I. CĂN CỨ THỰC HIỆN**

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Công văn số..... /UBDT-TCBC ngày ..... tháng ..... năm 20.... của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động thuộc Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số .... /QĐ-UBDT ngày ..... của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ đơn vị;

Căn cứ kết quả cuộc họp liên tịch giữa Chi bộ, lãnh đạo vụ, đơn vị và Công đoàn ..... ngày .....

**II. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG CỦA ĐƠN VỊ**

1. Tổng biên chế (hoặc số người làm việc được giao): .... người

2. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động có mặt tính đến 31/5/2018 của vụ, đơn vị: ....., trong đó:

- Cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng trở lên: .....người.

- Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: ..... người.

3. Số cán bộ, công chức, hợp đồng lao động có chuyên môn, nghiệp vụ có thể đảm nhiệm, hoàn thành công việc được giao: ..... người.

4. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động thuộc diện dôi dư do cơ cấu cán bộ, công chức trong đơn vị không hợp lý và không thể bố trí, sắp xếp được công việc khác: ..... người.

5. Số người chưa có đủ tiêu chuẩn về trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cần đào tạo bồi dưỡng tiếp tục sử dụng, bố trí lại cho phù hợp:.... người.

6. Số người không đảm bảo sức khỏe (có 02 năm liên tiếp mà mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc do đa do ốm đau theo Khoản 1 Điều 23 Luật BHXH, có chứng nhận của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan BHXH chi trả trợ cấp ốm đau): ... người.

### III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ nhằm loại bỏ những nhiệm vụ không còn phù hợp, những nhiệm vụ trùng lặp, từ đó sắp xếp lại tổ chức, đơn vị theo hướng thu gọn đầu mối, bỏ khâu trung gian, mỗi cơ cấu được giao nhiều việc, gắn với cải tiến quy chế làm việc, cải cách thủ tục hành chính. Xác định lại cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ cho từng vị trí công việc; đánh giá trình độ, năng lực, kết quả công tác và phẩm chất đạo đức, sức khỏe của từng cá nhân trong đơn vị để tổ chức sắp xếp lại cán bộ, công chức cho phù hợp.

Vụ, đơn vị..... thống nhất:

1. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động làm việc ổn định, lâu dài: ..... người.

2. Số cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động đề nghị thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 là ..... người

Dự kiến số lượng và danh sách những người đề nghị áp dụng chính sách tinh giản biên chế, bảng dự toán số tiền trợ cấp cho từng người (đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND) theo mẫu quy định:

- Năm 20...:

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ và công việc đang đảm nhiệm	Số năm công tác có đóng BHXH	Lý do tinh giản biên chế	Đối tượng tinh giản biên chế (01 trong 4 đối tượng quy định)	Thời gian thực hiện tinh giản biên chế
1							
2							
...							

Bản Đề án này được công bố công khai trước toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, Hợp đồng lao động của đơn vị được biết và thông qua ngày tháng năm 20...../.

**ĐẠI DIỆN CHI BỘ**

**ĐẠI DIỆN LÃNH  
ĐẠO VỤ, ĐƠN VỊ**

**ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN**

